

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010
ban hành kèm theo Quyết định số 279/2005/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12 và Điều 19 của Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010 (dưới đây gọi chung là Chương trình) ban hành kèm theo Quyết định số 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Khoản 3: “Trừ nội dung quy định tại khoản 4 Điều 8, các khoản 8 và 13 Điều 9 Quy chế này, Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương, căn cứ các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý hoạt động xúc tiến thương mại, tổng hợp, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm”.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Quy chế này áp dụng đối với:

- Khoản 1. Các đơn vị chủ trì Chương trình, bao gồm: các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ, phi Chính phủ và tổng công ty ngành hàng (trong trường hợp ngành hàng không có Hiệp hội) có đề án xúc tiến thương mại tham gia Chương trình được xây dựng, thẩm định và được hỗ trợ thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

- Khoản 2. Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, bao gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành và các tổ chức xúc tiến thương mại.”

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Điểm b khoản 2: “Có đủ nguồn lực về con người, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật để tổ chức thực hiện Chương trình; có chiến lược phát triển ngành hàng và chiến lược phát triển cụ thể trên từng thị trường mục tiêu; nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp; các chương trình do đơn vị chủ trì đã thực hiện đạt được mục tiêu đề ra về số lượng và chất lượng”.

- Bổ sung khoản 3: “Căn cứ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt các đơn vị chủ trì Chương trình. Các tổ chức xúc tiến thương mại đã thực hiện chức năng đơn vị chủ trì Chương trình từ năm 2008 về trước không phải làm lại thủ tục phê duyệt”.

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này trực tiếp thực hiện nội dung các đề án của Chương trình và được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này”.

5. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 1: “Kinh phí thực hiện Chương trình do các đơn vị tham gia Chương trình đóng góp; Nhà nước hỗ trợ một phần thông qua đơn vị chủ trì Chương trình”.

b) Khoản 3: “Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước cấp”.

c) Bổ sung khoản 4: “Bộ Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách cho Chương trình vào thời điểm thông báo ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương”.

6. Điều 8 được sửa đổi như sau:

a) Khoản 1: “Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn các tỉnh, thành phố, ngoài việc tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia thông qua các đơn vị chủ trì Chương trình quy định tại Quy chế này, còn có quyền tham gia các nội dung xúc tiến thương mại theo quy định và hướng dẫn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phù hợp với tình hình kinh doanh thương mại ở các địa phương”.

b) Khoản 2: “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này xây dựng các nội dung xúc tiến thương mại và mức hỗ trợ kinh phí phù hợp với thực tế xúc tiến thương mại của địa phương và các quy định của luật pháp hiện hành về hoạt động xúc tiến thương mại”.

c) Khoản 3: “Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại của các địa phương được thực hiện trực tiếp từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương”.

d) Bổ sung Khoản 4: “Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại của địa phương có hỗ trợ từ ngân sách trung ương”.

7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 10: “Tổ chức tiếp xúc với các nhà nhập khẩu nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng”.

b) Khoản 11: “Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam”.

c) Khoản 12: “Các hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện hiệu quả yêu cầu mở rộng thị trường xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này”.

d) Khoản 13: “Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung khoản 1:

- “Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn trong và ngoài nước về xúc tiến thương mại đối với cán bộ của các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ và phi Chính phủ cho nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này”.

b) Khoản 2:

- Bổ sung điểm a: “Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch tại gian hàng Việt Nam tại hội chợ nước ngoài”.

- Bổ sung điểm c: “Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch với các đoàn giao thương, khảo sát thị trường của Việt Nam tại nước ngoài”.

- Bổ điểm d.

c) Bổ sung khoản 5: “Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức giao thương bao gồm chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch và tuyên truyền quảng bá; và chi phí đi lại tại Việt Nam cho nhà nhập khẩu nước ngoài đối với khoản 10 Điều 9 Quy chế này”.

d) Bổ sung khoản 6: “Hỗ trợ 100% chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch và tuyên truyền quảng bá đối với khoản 11 Điều 9 Quy chế này”.

đ) Bổ sung khoản 7: “Hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay khứ hồi, ăn ở theo chế độ tài chính hiện hành và chi phí thuê gian hàng (nếu có) thông qua hiệp hội ngành hàng đối với nội dung quy định tại khoản 12 Điều 9 Quy chế này”.

9. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch kinh phí xúc tiến thương mại do Bộ Tài chính thông báo, Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

Ngay sau khi Chương trình được phê duyệt, căn cứ dự toán và tiến độ thực hiện Chương trình, Bộ Tài chính tạm cấp kinh phí cho các đơn vị chủ trì Chương trình để thực hiện.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục tạm cấp và quyết toán kinh phí.”

10. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Đơn vị chủ trì Chương trình gửi báo cáo (theo mẫu quy định của Bộ Công Thương) về Bộ Công Thương, Bộ Tài chính muộn nhất 30 ngày sau khi kết thúc mỗi đề án; báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trước ngày 31 tháng 12 hàng năm; đồng thời thông báo cho các đơn vị tham gia Chương trình các báo cáo liên quan”.

11. Trong Quy chế này, cụm từ “Bộ Thương mại” được sửa đổi thành “Bộ Công Thương”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2009.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Tài chính và Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). Trang 400

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hoàng Trung Hải